

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH KON TUM**
Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày: 06/6/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông A Vũ và bà Y Cam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Khánh Lữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

A V, sinh năm 2004, tại Kon Tum; nơi cư trú: **Làng K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Gia Rai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **A C**, sinh năm 1963 và bà **Y Y**, sinh năm 1967; bị cáo có vợ tên là **Y B**, sinh năm 2005 và có 01 con sinh ngày 23/3/2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo A V:

Bà **Nguyễn Thị Thúy H** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K**.

Địa chỉ: **B T, thành phố K, tỉnh Kon Tum**. Có mặt.

- Người bị hại:

1. **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh ngày 22/9/2007 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của cháu **Nguyễn Thị Mỹ L** là ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1970, trú tại: **Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum**. Có mặt.

2. **Trần Nguyễn Bình N**, sinh ngày 06/4/2007.

Người đại diện hợp pháp của cháu **Trần Nguyễn Bình N** là bà **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh năm 1984.

Cùng trú tại: **Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum**. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông A C, sinh năm 1963;

2. Bà Y Y, sinh năm 1967;

Cùng trú tại: Làng K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kiều V1, sinh năm 2001.

Trú tại: Phường N, TP ., tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2023, A V sau khi uống rượu tại nhà của chị gái mình là Y L1 thì về nhà tại làng K. Khi bạn gái của V là Y B nói bị đau đầu thì A v xin tiền của mẹ mình là bà Y Y để đi mua thuốc cho Y B. Sau đó, bà Y Y vào phòng ngủ, bố của V là ông A C ra sau nhà đi tắm. Thấy xe mô tô BKS 82B1-928.41 của bố để trước nhà, A V tự ý điều khiển xe mô tô đi mua thuốc. Trên đường đi V gặp A É và chở A É đến cổng Homestay Hoa Đ (thuộc thôn A, thị trấn S). Sau đó, A V điều khiển xe đi lên hướng Trung tâm thị trấn S để mua thuốc. Lúc này tại ngã ba giao nhau giữa đường N và đường T, giữa tìm đường T có hai vạch kẻ màu vàng (dải phân cách mềm), A V điều khiển xe từ gần cổng H2 đi ngược chiều của mình và đi sang làn đường phía bên để lên hướng trung tâm thị trấn S. Vì thiếu quan sát nên khi đi gần đến dải phân cách màu vàng đã tông vào 01 (một) xe mô tô BKS 82AA-034,03 do Nguyễn Thị Mỹ L điều khiển chở theo Trần Nguyễn Bình N đi chuyển theo hướng ngược lại và đi đúng phần đường của L.

Hậu quả: Nguyễn Thị Mỹ L bị chấn thương sọ não dẫn đến tử vong, A V bị thương tích 31%, Trần Nguyễn Bình N bị thương tích 3%, hai xe mô tô bị hư hỏng.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường

Đoạn đường xảy ra tai nạn là km 22+ 450 tỉnh lộ 675, đoạn qua thôn A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Đoạn đường trên là đường bê tông, đoạn đường dốc, lòng đường rộng 19,12m, lề đất rộng 2,1 m, chọn mép chuẩn hướng từ làng K-trung tâm thị trấn, chọn mốc chuẩn là trụ điện kí hiệu 472-473 KTUC-266AKTST. Đoàn khám nghiệm đã ghi nhận, đo, vẽ, chụp ảnh các dấu vết tại hiện trường.

Căn cứ các đồ vật, dấu vết tại hiện trường, các dấu vết trên hai phương tiện, chiều hướng di chuyển của hai xe, đoàn khám nghiệm xác định điểm dừng của hai phương tiện có vị trí như sau: nằm phía chiều đường bên trái, cách mốc chuẩn 33m, cách mép chuẩn 12,77m, cách trục trước xe 82AA-034.03 là 1,25m, cách trục sau xe 82AA-034.03 là 1,9m. Cách trục trước xe 82B1-928.41 là 26,55m, cách trục sau xe 82B1-928.41 là 25,4m.

* Kết luận trưng cầu giám định; kết luận định giá, kết quả xét nghiệm.

Tại Bản kết luận giám định số: 266/KLGDĐT-KTHS ngày 18 tháng 10 năm 2023 của **Phòng K Công an tỉnh K** xác định nguyên nhân chết của **Nguyễn Thị Mỹ L** là chấn thương sọ não.

Tại phiếu đo nồng độ cồn ngày 27/9/2023 đối với **A V**: 0,318mg/l.

Tại Bản kết luận giám định số: 177/KLTLTT-TTPY ngày 19 tháng 10 năm 2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh K** kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **A V** tại thời điểm giám định là 31%.

Tại Bản kết luận giám định số: 178/KLTLTT-TTPY ngày 19 tháng 10 năm 2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh K** kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Trần Nguyễn Bình N** tại thời điểm giám định là 3%.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 26/10/2023 của **Sở Giao thông vận tải tỉnh K** kết luận:

* Xe mô tô BKS 82AA-034,03:

- Hệ thống phanh

+ Phanh trước (phanh đĩa): Hoạt động bình thường, không phát hiện có hiện tượng bị hư hỏng. Phanh trước có tác dụng.

+ Phanh sau: Hoạt động bình thường, không phát hiện có hiện tượng bị hư hỏng. Phanh sau có tác dụng.

- Hệ thống lái: Càng lái lắp chắc chắn với trục lái; giảm chấn của càng lái bị cong vênh; trục lái không có độ rơ dọc trục và độ rơ hướng kính. Hệ thống lái có tác dụng.

- Hệ thống đèn bị hư hỏng nặng nên không đủ điều kiện để giám định hệ thống đèn.

* Xe mô tô BKS 82B1-928.41:

- Hệ thống phanh:

+ Phanh trước (phanh đĩa): Hoạt động bình thường, không phát hiện có hiện tượng bị hư hỏng. Phanh trước có tác dụng.

+ Phanh sau: Hoạt động bình thường, không phát hiện có hiện tượng bị hư hỏng. Phanh sau có tác dụng.

+ Hệ thống lái: Càng lái điều khiển nhẹ nhàng, lắp chắc chắn với trục lái; giảm chấn của càng lái hoạt động tốt; trục lái không có độ rơ dọc trục và độ rơ hướng kính. Hệ thống lái có tác dụng.

- Hệ thống đèn bị hư hỏng nặng nên không đủ điều kiện để giám định hệ thống đèn.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng **huyện S** xác định giá trị phần tài sản bị hư hỏng tại thời điểm xảy ra tai nạn vào tháng 09/2023 đối với xe mô tô BKS 82B1-928.41 là 11.138.334 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), xác định giá trị phần tài sản bị hư hỏng tại thời điểm xảy ra tai nạn vào tháng 09/2023 đối với xe mô tô BKS 82AA-034.03 là 4.345.001 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn lẻ một đồng).

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; vật chứng vụ án và xử lý vật chứng

+ 01 (Một) xe mô tô BKS 82AA-034.03, nhãn hiệu: ESPERO, số loại: 50RS, màu trắng bạc, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

+ 01 (Một) xe mô tô BKS 82B1-928.41, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WINNER, màu xanh đỏ đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

Ngày 27/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu: trả lại 01 (Một) xe mô tô BKS 82AA-034.03, nhãn hiệu: ESPERO, số loại: 50RS, màu trắng bạc, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Kiều V1. Chuyển 01 (Một) xe mô tô BKS 82B1-928.41, nhãn hiệu: HONDA, số loại WINNER, màu xanh đỏ đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong đến Đ1 - Công an huyện S để xử phạt hành chính đối với ông A C theo quy định.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Chị Nguyễn Thị Kiều V1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại hư hỏng xe mô tô BKS 82AA-034.03.

Gia đình Trần Nguyễn Bình N không yêu cầu bồi thường gì đối với thương tích của N.

Ông A C không yêu cầu bồi thường thiệt hại hư hỏng xe mô tô BKS 82B1-928.41.

Gia đình Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận được số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) khắc phục hậu quả của A V và yêu cầu A V bồi thường thêm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

*** Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo A V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Cáo trạng số 06/CT-VKSST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên xử.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo A V từ 24 đến 30 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình bị hại.

4. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo A V: Đồng ý với bản Cáo trạng, bản luận tội mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và điều luật áp dụng, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực vận động gia đình bồi thường thiệt hại, thể hiện sự ăn năn hối cải. Gia đình bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo cũng bị thương với tỷ lệ thương tật là 31%, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy tôi đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu để xử phạt bị cáo A V mức án 24 tháng tù.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo A V theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Quyết định, hành vi tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều V1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo, mặt khác tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử quyết định xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo A V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để nhận định:

Ngày 27/09/2023, tại km 22 + 450 thuộc tỉnh lộ 675, đoạn qua thôn A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Mặc dù chưa có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định và đã sử dụng rượu bia với nồng độ cồn trong hơi thở là 0,318mg/L

nhưng A V vẫn điều khiển xe mô tô BKS 82B1- 928.41 theo hướng làng K - trung tâm thị trấn S, di chuyển ngược chiều, không chấp hành hệ thống báo hiệu rồi va chạm với xe mô tô BKS 82AA - 034.03 do Nguyễn Thị Mỹ L điều khiển chở theo Trần Nguyễn Bình N đang đi đúng phần đường của mình. Hậu quả làm cho Nguyễn Thị Mỹ L tử vong, Trần Nguyễn Bình N bị thương tích 03%, A V bị thương tích 31%, xe mô tô BKS 82B1-928.41 bị hư hỏng thiệt hại 11.138.334 đồng, xe mô tô BKS 82AA-034.03 bị hư hỏng thiệt hại 4.345.001 đồng.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do bị cáo điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông không có giấy phép lái xe, đi ngược chiều, không chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định (0,318mg/L) dẫn đến tai nạn giao thông là vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia. Bị hại tham gia giao thông đi đúng phần đường. Vì vậy; Hội đồng xét xử xác định bị hại không có lỗi mà lỗi hoàn toàn do bị cáo.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A V đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi vô ý.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSST ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và đã gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Do đó, phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

Bị cáo bị truy tố theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt (*không có tiền án, tiền sự*), phạm tội

lần đầu với lỗi vô ý, bản thân bị cáo cũng bị thương với tỷ lệ thương tật là 31%. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung 2 Điều 260 Bộ luật hình sự để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Trong quá trình điều tra, bị cáo **A V** đã bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho gia đình người bị hại và gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nữa. Nhưng sau đó gia đình bị hại lại có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000đ, số tiền này bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thị Mỹ L** yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000đ.

Bị hại mất do tai nạn giao thông mà lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo khiến cho cha, mẹ bị hại bị tổn thất về tinh thần. Xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và bị cáo chấp nhận. Vì vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo **A V** phải bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình người bị hại là 40.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Bị cáo **A V** đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) cho gia đình người bị hại nên bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

[7.2] Đối với thiệt hại của xe mô tô BKS 82B1-928.41 là 11.138.334 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) và thiệt hại đối với xe mô tô BKS 82AA-034.03 là 4.345.001 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn lẻ một đồng). Chủ sở hữu xe là ông **A C** và chị **Nguyễn Thị Kiều V1** đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7.3] Đối với bị hại **Trần Nguyễn Bình N** bị thương tích 3%, gia đình bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7.4] Đối với ông **A C** là chủ sở hữu xe mô tô BKS 82B1-928.41, vào thời điểm **V** lấy xe đi ông **C** không biết. Vì vậy không có căn cứ xử lý ông **C** về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ là có căn cứ.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 82B1-928.41 và xe mô tô biển kiểm soát BKS 82AA-034.03 chủ sở hữu đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S trình bày lời luận tội và đề nghị áp dụng điều luật, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **A V** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A V 24 (hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 586, 591 và 601 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo **A V** và gia đình bị hại, bị cáo **A V** tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Nguyễn Thị L2** số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo **A V**.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án Trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*), kể từ ngày tuyên án (*ngày 06/6/2024*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Kiều V1** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh KonTum;
- VKSND; Công an huyện S;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Sa Thầy;
- Bị cáo; Đại diện hợp pháp của NBH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Anh Phương